TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11- NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2026
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lữ Văn Thành
Ông Thò Bá Tềnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kha Thị T, sinh năm 1991, CCCD: 040191033496 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Trú tại: Bản N, xã N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Lữ Quý H, sinh năm 1997, CCCD: 040097009416 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Đăng ký thường trú: Bản Canh, xã N, tỉnh Nghệ An, hiện đang chấp hành án đội 28, phân trại số 2, Trại giam S, xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2026 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Kha Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị Kha Thị T và anh Lữ Quý H tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2019. Chị T và anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An) vào ngày 10/01/2019 tại số 04/2019 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị T và anh

H sống hạnh phúc đến tháng 11/2019 thì anh H đi chấp hành án phạt tù 13 năm tù về tội Giết người, hiện anh H đang chấp hành án tại Trại giam S, xã H, tỉnh Nghệ An. Anh H đã chấp hành án được 07 năm, trong thời gian 7 năm anh H chấp hành án thì chị T vẫn thường xuyên đi thăm anh H, tuy nhiên do vợ chồng không thường xuyên gặp nhau nên lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng cũng không có con chung, chị T đã hết tình cảm với anh H. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn chị T có nguyện vọng ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Kha Thị T và anh Lữ Quý H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Kha Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 6 năm 2026 bị đơn anh Lữ Quý H trình bày:

- Tình cảm: Anh Lữ Quý H và chị Kha Thị T kết hôn với nhau vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T (nay là xã N), tỉnh Nghệ An, cho đến thời điểm hiện tại anh H và chị T không phát sinh mâu thuẫn nào. Hiện nay chị Kha Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11-Nghệ An giải quyết ly hôn thì anh H đồng ý.

- Con chung: Anh Lữ Quý H và chị Kha Thị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị T không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Kha Thị T cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Kha Thị T được ly hôn với anh Lữ Quý H; Con chung: Chị Kha Thị T và anh Lữ Quý H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Kha Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Lữ Quý H đăng ký thường trú tại bản C, xã N, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Kha Thị T và bị đơn anh Lữ Quý H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 11 - Nghệ An. Bị đơn, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau vào năm 2019 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã N, tỉnh Nghệ An) cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 04 ngày 10 tháng 01 năm 2019 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nguyên nhân chủ yếu là anh H hiện đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện thực hiện nghĩa vụ của người chồng, đời sống chung của vợ chồng bị gián đoạn trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Chị T khởi kiện ly hôn thì anh H đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Kha Thị T và anh Lữ Quý H theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao.

[3.2] Con chung: Chị T và anh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị Kha Thị T, anh Lữ Quý H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Nguyên đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Kha Thị T và anh Lữ Quý H.

2. Con chung: Chị Kha Thị T và anh Lữ Quý H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Kha Thị T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND khu vực 11-Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 11, Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND xã Nga My;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ái